TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HN-ST
Ngày: 05-02-2018
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Nguyễn Công Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2017/TLST-HN ngày 13/11/2017 về việc "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST - HN ngày 02 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST - HN ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1978; HKTT ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B. Địa chỉ hiện nay ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1976; địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 19/11/2002 (hôn nhân xác lập tháng 01/1998). Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, do bất đồng quan điểm, anh N thường hành hung mỗi khi uống rượu nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có thiện chí hàn gắn; gia đình hai bên cũng không có ý kiến hay hòa giải. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh N. Con chung: Nguyễn Hữu L sinh ngày 29/7/2001, Nguyễn Hữu T sinh ngày 10/4/2003 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 16/01/2009 hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi ba con chung, tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Tài sản chung không tranh chấp.

Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Huỳnh Thị Kim T giữ nguyên trình bày, không bổ sung.
- Anh Nguyễn Văn Bé N vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị T và anh N không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục và hàn gắn nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó, đề nghị áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu L sinh ngày 29/7/2001, Nguyễn Hữu T sinh ngày 10/4/2003 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 16/01/2009 là phù hợp với nguyện vọng ba cháu L, T, D. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Bé N vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 19/11/2002 (hôn nhân xác lập tháng 01/1998) nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, anh N bạo lực gia đình nên hai bên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, do hai bên không có thiện chí hòa giải, khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Nguyễn Hữu L sinh ngày 29/7/2001, Nguyễn Hữu T sinh ngày 10/4/2003 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 16/01/2009 hiện sống chung với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay, con chung vẫn sống chung với chị T, cuộc sống, tâm lý đã ổn định; anh N không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Đồng thời, tại các biên bản lấy ý kiến ngày 17/11/2017, con chung cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị T là có cơ sở, phù hợp

với pháp luật quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Do không tranh chấp nên không xem xét trong vụ án.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T đối với anh Nguyễn Văn Bé N.

2. Con chung: chị Huỳnh Thị Kim T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Hữu L sinh ngày 29/7/2001, Nguyễn Hữu T sinh ngày 10/4/2003 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 16/01/2009. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: do không tranh chấp nên không xem xét trong vụ án

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Kim T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012457 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND xã T*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên